

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019

MỤC LỤC

	<u>Trang</u>
BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO	1 - 2
BÁO CÁO CỦA KIỂM TOÁN VIÊN	3 - 4
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	5 - 6
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo tài chính	9 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương là Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương (gọi tắt là “Công ty”) được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3625/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 26/09/2018.

Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 26/09/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh là: Hai Duong Motor Transport Vehicle Registration Joint Stock Company.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cổ phần là: 61.649.440.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.*)

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng Quản trị	Ông Hoàng Trọng Khuê	Chủ tịch HĐQT
	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Thành viên
	Ông Trần Văn Phòng	Thành viên
	Ông Lưu Văn Sơn	Thành viên
	Ông Vũ Văn Tuyên	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc	Ông Nguyễn Ngọc Hiếu	Giám đốc
	Ông Vũ Văn Tuyên	Phó Giám đốc
	Ông Hoàng Đình Tuấn	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Lãnh đạo, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

BÁO CÁO CỦA BAN LÃNH ĐẠO (Tiếp theo)

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN LÃNH ĐẠO

Ban Lãnh đạo Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Lãnh đạo được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Lãnh đạo xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Lãnh đạo cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện Ban Lãnh đạo,

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Trọng Khuê

Số: 276/2020/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬPVề Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019
của Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Lãnh đạo
Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương được lập ngày 20 tháng 03 năm 2020, từ trang 05 đến trang 22, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2019, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Trách nhiệm của Ban Lãnh đạo

Ban Lãnh đạo Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Lãnh đạo xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Lãnh đạo cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Đây là năm hoạt động đầu tiên dưới hình thức Công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh. Số dư đầu năm căn cứ theo Báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động bắt đầu từ ngày 26/09/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên hãng kiểm toán Moore Global Network với ý kiến chấp nhận từng phần.



Bùi Thị Thúy**Phó Tổng Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0580-2018-137-1

Giấy Ủy quyền số: 04/2020/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2020 của Chủ tịch HĐQT

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM**Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Global Network**

Hà Nội, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Lưu Anh Tuấn**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1062-2019-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		10.749.336.983	45.878.558.539
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	9.884.217.730	44.841.729.733
1. Tiền	111		1.353.467.311	44.841.729.733
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.530.750.419	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		107.728.506	563.031.852
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		6.731.520	-
2. Trả trước cho người bán	132		16.500.000	130.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.2	84.496.986	433.031.852
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		757.390.747	473.796.954
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.3	229.344.349	244.105.343
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		528.046.398	229.691.611
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		60.186.016.596	55.841.204.989
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		52.217.622.921	26.179.167.729
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.4	52.190.517.361	26.145.062.173
- Nguyên giá	222		75.008.024.395	43.101.583.869
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.817.507.034)	(16.956.521.696)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.5	27.105.560	34.105.556
- Nguyên giá	228		35.000.000	35.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(7.894.440)	(894.444)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	24.246.754.116
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.6	-	24.246.754.116
VI. Tài sản dài hạn khác	260		7.968.393.675	5.415.283.144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.3	7.968.393.675	5.415.283.144
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		70.935.353.579	101.719.763.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2019	01/01/2019
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		3.311.625.559	35.861.796.919
I. Nợ ngắn hạn	310		3.311.625.559	35.861.796.919
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.7	829.306.556	80.454.882
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.8	369.012.273	771.879.509
4. Phải trả người lao động	314		226.949.574	169.178.985
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.9	356.770.908	33.206.345.443
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.529.586.248	1.633.938.100
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		67.623.728.020	65.857.966.609
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.10	67.623.728.020	65.857.966.609
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		61.649.440.000	61.649.440.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		61.649.440.000	61.649.440.000
4. Cổ phiếu quỹ	415		(82.400.000)	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		3.639.435.414	3.639.435.414
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		2.417.252.606	569.091.195
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		1.848.161.411	569.091.195
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		70.935.353.579	101.719.763.528

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Người lập

Kế toán trưởng

Chủ tịch HĐQT



Nguyễn Thị Thùy Dương



Phạm Mạnh Hà



Hoàng Trọng Khuê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2019
			VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.11	15.940.391.754
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		15.940.391.754
4. Giá vốn hàng bán	11	5.12	8.114.685.323
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		7.825.706.431
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.13	565.305.281
7. Chi phí tài chính	22		-
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-
8. Chi phí bán hàng	24		-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.14	6.108.468.777
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		2.282.542.935
11. Thu nhập khác	31	5.15	672.272.955
12. Chi phí khác	32	5.15	643.295.301
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.15	28.977.654
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		2.311.520.589
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.16	463.359.178
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		1.848.161.411
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.17	300

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020

Người lập

Nguyễn Thị Thùy Dương

Kế toán trưởng

Phạm Mạnh Hà

Chủ tịch HĐQT



Hoàng Trọng Khuê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

CHỈ TIÊU	T		Năm 2019
	MS	M	VND
1	2	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01		2.311.520.589
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02		5.872.478.834
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		8.183.999.423
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		156.948.559
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(32.150.080.830)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2.538.349.537)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(863.454.516)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(27.210.936.901)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(7.664.179.910)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(7.664.179.910)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(82.395.192)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(34.957.512.003)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		44.841.729.733
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	9.884.217.730

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020
 Chủ tịch HĐQT

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Thùy Dương

Phạm Mạnh Hà

Hoàng Trọng Khuê

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương là Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương (gọi tắt là "Công ty") được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 3625/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 26/09/2018.

Công ty Cổ phần Đăng kiểm xe cơ giới Hải Dương đã chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký Doanh nghiệp số 0800012519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Dương cấp ngày 26/09/2018.

Tên Công ty bằng tiếng Anh là: Hai Duong Motor Transport Vehicle Registration Joint Stock Company.

Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm chính thức chuyển sang hoạt động theo loại hình doanh nghiệp cổ phần là: 61.649.440.000 đồng (*Bằng chữ: Sáu mươi một tỷ, sáu trăm bốn mươi chín triệu, bốn trăm bốn mươi nghìn đồng chẵn.*).

Trụ sở chính của Công ty tại: Đường Tân Dân, phường Việt Hòa, thành phố Hải Dương.

Tổng số CBCNV của Trung tâm tại ngày 31 tháng 12 năm 2019 là : 38 người.

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các phương tiện cơ giới giao thông đường bộ
- Dịch vụ tư vấn, thiết kế cải tạo phương tiện cơ giới giao thông đường bộ
- Nghiệm thu, cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường xe cơ giới cải tạo
- Kiểm tra, cấp giấy chứng nhận chất lượng an toàn kỹ thuật thiết bị trong khai thác sử dụng, thiết bị nâng, thiết bị gắn phương tiện cơ giới giao thông đường bộ
- Bán bảo hiểm xe cơ giới đường bộ
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của xe ô tô và xe có động cơ khác

Hoạt động chính của Công ty: Kiểm định và cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường các phương tiện cơ giới giao thông đường bộ.

2. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư 53/2016/TT- BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Lãnh đạo Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Nhật ký chung.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng được ghi nhận trên cơ sở thực tế phát sinh thu-chi.

Tiền đang chuyển: Dựa vào các lệnh chuyển tiền chưa có giấy báo Nợ và giấy nộp tiền chưa có giấy báo Có.

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn, tiền gửi có kỳ hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, gửi tiền có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Khoản phải thu này gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu của bên giao ủy thác thông qua bên nhận ủy thác. Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại Thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 quy định về quản lý tài sản cố định.

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định ghi nhận ban đầu bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá tài sản cố định được điều chỉnh lại theo Quyết định số 3625/QĐ-UBND của UBND tỉnh Hải Dương ngày 27/11/2017 về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty tại thời điểm 24 giờ ngày 31/03/2017.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là các phần mềm tin học được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Năm 2019

	Số năm
Nhà cửa vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc thiết bị	08 - 12
Thiết bị dụng cụ quản lý	05 - 08

Tài sản cố định vô hình là phần mềm vi tính và tài sản khác được khấu hao không quá 10 năm.

Công ty đã đánh giá lại giá trị TSCĐ đã hết khấu hao để cổ phần hóa doanh nghiệp Nhà nước, thời điểm trích khấu hao của các TSCĐ được đánh giá lại là thời điểm doanh nghiệp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh chuyển thành công ty cổ phần.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Chi phí trả trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê (đối với chi phí thuê nhà, thuê đất, thuê hoạt động,...), theo thời gian sử dụng hữu ích nhưng không quá 03 năm (với công cụ dụng cụ xuất dùng).

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Năm 2019, Chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Công ty là Trung tâm Đăng kiểm Ninh Giang. Công trình đã xong, công ty tạm ghi nhận tăng tài sản theo giá trị quyết toán và trích khấu hao từ 01/01/2019.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán : gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết). Khoản phải trả này gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác (trong giao dịch nhập khẩu ủy thác).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Phải trả nội bộ gồm các khoản phải trả các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Do hoạt động kinh doanh đặc thù của Công ty nên Công ty hạch toán toàn bộ chi phí vào chi phí quản lý doanh nghiệp mà không hạch toán giá vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế.

Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Lãnh đạo phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận sẽ được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Tiền mặt	19.653.627	51.139.811
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	1.333.813.684	44.790.589.922
Các khoản tương đương tiền	8.530.750.419	-
Tổng	9.884.217.730	44.841.729.733

5.2 Các khoản phải thu khác

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn				
Phải thu về cổ phần hoá ngắn hạn	-	-	433.031.852	-
Lãi dự thu tiền gửi	83.980.886	-	-	-
Phải thu khác	516.100	-	-	-
Tổng	84.496.986	-	433.031.852	-

5.3 Chi phí trả trước

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
a) Ngắn hạn	229.344.349	244.105.343
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	229.344.349	244.105.343
Dài hạn	7.968.393.675	5.415.283.144
Chi phí đền bù GPMB Ninh Giang [*]	2.724.502.620	-
Chi phí đền bù GPMB Hải Dương [*]	4.868.954.580	5.132.141.316
Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	374.936.475	283.141.828
Tổng	8.197.738.024	5.659.388.487

[*] Tiền đền bù GPMB được trừ vào tiền thuê đất hàng năm của 2 trung tâm.

Trong đó: Trạm Ninh Giang: 25 năm (kể từ 19/09/2017); Trạm Việt Hòa, Hải Dương: 25 năm (từ 22/10/2018)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.4 Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Tổng
NGUYÊN GIÁ				
Số dư tại 01/01/2019	32.805.995.000	9.925.641.869	369.947.000	43.101.583.869
Tăng trong năm	28.755.339.288	3.155.594.600	-	31.910.933.888
XDCB dở dang	28.755.339.288	3.155.594.600	-	31.910.933.888
Giảm trong năm	-	4.493.362	-	4.493.362
Phân loại lại theo TT45	-	4.493.362	-	4.493.362
Số dư tại 31/12/2019	61.561.334.288	13.076.743.107	369.947.000	75.008.024.395
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư tại 01/01/2019	11.050.599.033	5.600.716.387	305.206.276	16.956.521.696
Tăng trong năm	4.489.480.415	1.339.003.719	36.994.704	5.865.478.838
Khấu hao trong năm	4.489.480.415	1.339.003.719	36.994.704	5.865.478.838
Giảm trong năm	-	4.493.500	-	4.493.500
Phân loại lại theo TT45	-	4.493.500	-	4.493.500
Số dư tại 31/12/2019	15.540.079.448	6.935.226.606	342.200.980	22.817.507.034
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại 01/01/2019	21.755.395.967	4.324.925.482	64.740.724	26.145.062.173
Tại 31/12/2019	46.021.254.840	6.141.516.501	27.746.020	52.190.517.361

[*] Tài sản cố định tạm tăng trong năm là trạm đăng kiểm Ninh Giang với giá trị là 31.910.933.888 đồng theo giá trị quyết toán và trích khấu hao từ 01/01/2019.

5.5 Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Chi phí đền bù GPMB	Phần mềm máy tính	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại 01/01/2019	-	35.000.000	35.000.000
Tăng trong năm	-	-	-
Mua trong năm	-	-	-
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	-	35.000.000	35.000.000
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại 01/01/2019	-	894.444	894.444
Tăng trong năm	-	6.999.996	6.999.996
Khấu hao trong năm	-	6.999.996	6.999.996
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	-	7.894.440	7.894.440
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại 01/01/2019	-	34.105.556	34.105.556
Tại 31/12/2019	-	27.105.560	27.105.560

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.6 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
Xây dựng Trung Tâm Đăng kiểm Ninh Giang	-	24.246.754.116
Tổng	-	24.246.754.116

5.7 Phải trả người bán

Đơn vị tính: VND

	31/12/2019		01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	829.306.556	829.306.556	80.454.882	80.454.882
Công ty TNHH Xây dựng Việt Thanh	120.998.000	120.998.000	35.935.000	35.935.000
Ban Quản lý dự án giao thông Hải Dương	377.430.000	377.430.000	42.683.087	42.683.087
Công ty TNHH Kiểm toán An Việt	133.243.000	133.243.000		
Phải trả các đối tượng khác	197.635.556	197.635.556	1.836.795	1.836.795
Tổng	829.306.556	829.306.556	80.454.882	80.454.882

5.8 Thuế và các khoản phải thu/ phải nộp nhà nước

Đơn vị tính: VND

Phải nộp	01/01/2019		Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2019	
	Nợ	Có			Nợ	Có
Thuế giá trị gia tăng	-	-	1.388.119.455	1.388.119.455	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	762.144.259	463.359.178	863.454.516	-	362.048.921
Thuế thu nhập cá nhân	-	9.735.250	3.886.295	6.759.193	-	6.862.352
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	9.694.454	9.694.454	-	-
Các loại thuế khác	-	-	4.000.000	4.000.000	-	-
Các khoản phí lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	132.372.341.413	132.372.240.413	-	101.000
Tổng	-	771.879.509	134.241.400.795	134.644.268.031	-	369.012.273

Phải thu	01/01/2019		Số được khấu trừ	Số đã khấu trừ	31/12/2019	
	Nợ	Có			Nợ	Có
Thuế giá trị gia tăng	229.691.611	-	1.331.507.526	1.033.152.739	528.046.398	-
Tổng	229.691.611	-	1.331.507.526	1.033.152.739	528.046.398	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.9 Phải trả khác

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Ngắn hạn	356.770.908	33.206.345.443
- Phải trả về cổ phần hoá;	4.808	32.898.045.443
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	356.250.000	308.300.000
<i>Lệ phí cấp GCN kiểm định</i>	<i>356.250.000</i>	<i>308.300.000</i>
Tổng	356.770.908	33.206.345.443

5.10 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

	<i>Đơn vị tính: VND</i>				Tổng
	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	sau thuế chưa phân phối	
Số dư tại 26/09/2018	61.649.444.808	-	3.639.435.414	-	65.288.880.222
Tăng trong năm	-	-	-	569.091.195	569.091.195
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	569.091.195	569.091.195
Giảm trong năm	4.808	-	-	-	4.808
Giảm khác	4.808	-	-	-	4.808
Số dư tại 31/12/2018	61.649.440.000	-	3.639.435.414	569.091.195	65.857.966.609
Số dư tại 01/01/2019	61.649.440.000	-	3.639.435.414	569.091.195	65.857.966.609
Tăng trong năm	-	(82.400.000)	-	1.848.161.411	1.765.761.411
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	1.848.161.411	1.848.161.411
Mua lại cổ phiếu của người lao động nghỉ việc	-	(82.400.000)	-	-	(82.400.000)
Giảm trong năm	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2019	61.649.440.000	(82.400.000)	3.639.435.414	2.417.252.606	67.623.728.020

[*] Công ty mua lại số cổ phần ưu đãi của Người lao động nghỉ việc trước thời hạn cam kết để làm cổ phiếu quỹ theo nghị quyết 146/NQ - CTCPDK ngày 21/8/2019

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2019	01/01/2019
	VND	VND
Vốn Nhà nước	30.208.230.000	30.208.230.000
Công ty TNHH Bình Minh EPC	15.837.840.000	17.113.840.000
Các cổ đông khác	15.603.370.000	14.327.370.000
Tổng	61.649.440.000	61.649.440.000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐĂNG KIỂM XE CƠ GIỚI HẢI DƯƠNG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.10 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu

	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại ngày đầu năm	61.649.440.000	61.649.440.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày cuối năm	61.649.440.000	61.649.440.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	31/12/2019 VND Cổ phiếu	01/01/2019 VND Cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	6.164.944	6.164.944
Cổ phiếu phổ thông	6.164.944	6.164.944
Cổ phiếu quỹ	8.000	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/CP

5.11 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019 VND
Doanh thu trạm Ninh Giang	1.833.917.201
Doanh thu trạm Hải Dương	14.106.474.553
Tổng	15.940.391.754

5.12 Giá vốn hàng bán

	Năm 2019 VND
Giá vốn trạm Ninh Giang	3.255.781.486
Giá vốn trạm Hải Dương	4.858.903.837
Tổng	8.114.685.323

5.13 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng, tiền cho vay	565.305.281
Tổng	565.305.281

5.14 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.054.418.095
Chi phí đồ dùng văn phòng	270.115.249
Thuế, phí, lệ phí	638.426.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	619.760.034
Chi phí khác bằng tiền	525.748.829
Tổng	6.108.468.777

5.15 Thu nhập khác/ Chi phí khác

	Năm 2019 VND
Thu nhập khác	
Hỗ trợ thu lệ phí cấp giấy chứng nhận	639.999.999
An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	
Thu nhập khác	32.272.956
Tổng	672.272.955
Chi phí khác	
Chi phí thu lệ phí cấp giấy chứng nhận	639.999.999
An toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường	
Tiền phạt về thuế	3.295.300
Chi phí khác	2
Tổng	643.295.301
Thu nhập khác/chi phí khác (thuần)	28.977.654

5.16 Chi phí thuế TNDN hiện hành

	Năm 2019 VND
Lợi nhuận/ (Lỗ) trước thuế	2.311.520.589
Điều chỉnh tăng	5.275.302
Thu nhập chịu thuế công ty	2.316.795.891
Thuế suất hiện hành	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	463.359.178
Tổng	463.359.178

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.17 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.848.161.411
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.848.161.411
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (CP)	6.164.944
Cổ phiếu quỹ	8.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	300

5.18 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2019 VND
Chi phí nhân công	6.296.624.584
Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.865.478.838
Chi phí về thuế phí lệ phí	638.426.570
Chi phí dịch vụ mua ngoài	889.875.283
Chi phí khác bằng tiền	525.748.829
Tổng	14.216.154.104

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Giao dịch các bên liên quan

Giao dịch với nhân sự chủ chốt

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2019 VND
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Tiền lương, Thù lao	335.030.900

6.2 Báo cáo bộ phận

Báo cáo bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

Tài sản bộ phận và nợ phải trả bộ phận tại 31/12/2019 như sau:

	Trạm Ninh Giang	Trạm Hải Dương	Tổng
TÀI SẢN			
Tài sản cố định	29.754.941.176	22.462.681.745	52.217.622.921
Các khoản phải thu	-	635.774.904	635.774.904
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	2.724.502.620	5.473.235.404	8.197.738.024
Tài sản không thể phân bổ	-	9.884.217.730	9.884.217.730
Tổng tài sản			70.935.353.579
NỢ PHẢI TRẢ			
Các khoản phải trả	-	1.782.039.311	1.782.039.311
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	1.529.586.248
Tổng nợ phải trả			3.311.625.559

Kết quả kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 như sau:

	Trạm Ninh Giang	Trạm Hải Dương	Tổng
DOANH THU			
Tổng doanh thu	1.833.917.201	14.106.474.553	15.940.391.754
Doanh thu giữa các bộ phận	-	-	-
Doanh thu	1.833.917.201	14.106.474.553	15.940.391.754
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG			
Kết quả bộ phận	(1.421.864.285)	9.247.570.716	7.825.706.431
Lãi tiền gửi	-	-	565.305.281
Thu nhập khác không liên quan đến HĐSXKD	-	-	672.272.955
Chi phí không phân bổ			(6.108.468.777)
Chi phí khác			(643.295.301)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-	(463.359.178)
Lợi nhuận trong năm			1.848.161.411

6.3 Thông tin so sánh

Đây là năm hoạt động đầu tiên dưới hình thức Công ty cổ phần nên không có số liệu so sánh. Số dư đầu năm căn cứ theo báo cáo kiểm toán cho kỳ hoạt động bắt đầu từ ngày 26/09/2018 đến ngày 31/12/2018 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM thành viên hãng kiểm toán Moore Global Network với ý kiến chấp nhận từng phần.

Hải Dương, ngày 20 tháng 03 năm 2020
Chủ tịch HĐQT

Người lập

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Thùy Dương



Phạm Mạnh Hà



Hoàng Trọng Khuê